

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ H  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 40/2023/HS-ST  
Ngày 28 – 7 – 2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Huy Mạnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hồ Văn Hữu.

Ông Hoàng Đức Thịnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Cao Trọng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Bà Văn Thị Thu H – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2023/TLST-HS, ngày 10 tháng 7 năm 2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2023, đối với:

**- Các bị cáo:**

1. Mai Văn Ch, sinh ngày 24 tháng 12 năm 1991, tại huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn Tóp và bà Phạm Thị Ch; có vợ Đỗ Thị H và có 02 người con; tiền án: Ngày 26/01/2018 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 10 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/01/2023; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 20/11/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29 tháng 4 năm 2023 đến nay; có mặt.

2. Mai Văn T, sinh ngày 12 tháng 9 năm 1985, tại huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn N (đã chết) và bà Phạm Thị Ch; có vợ Nguyễn Thị

Ánh T và có 03 người con; tiền án: Ngày 29/3/2022 bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội “Buôn bán hàng cấm”, chưa chấp hành xong bản án; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 15/4/2018, bị Công an huyện H xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; ngày 19/8/2018 bị Công an huyện H xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Ngày 18/10/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 12 tháng, chấp hành xong ngày 25/5/2019; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29 tháng 4 năm 2023 đến nay; có mặt.

3. Trương Ngọc T, sinh ngày 19 tháng 7 năm 1977, tại huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn 1 Ngh, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Ngọc H và bà Phạm Thị E; có vợ Trần Thị Th và có 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 15/02/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 26 tháng 02 ngày về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; ngày 10/5/2019, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong ngày 13/9/2020); bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12 tháng 5 năm 2023 đến nay; có mặt.

4. Trần Văn B, sinh ngày 20 tháng 5 năm 1981, tại huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Tiểu khu 3, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc V và bà Nguyễn Thị Th; có vợ Dương Thị C và có 03 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Bị hại: Bà Hồ Thị H, sinh năm 1977; nơi cư trú: Khối Tân Th, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An. Xin vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có công ăn việc làm nên Mai Văn Ch nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Ch đã rủ Mai Văn T đi trộm cắp tài sản cùng thì Tuyên đồng ý. Ngày 22/4/2023, Tuyên thuê 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA INOVA màu trắng bạc biển số 36A-601.41 của anh Nguyễn Tuấn Anh để đi lại. Ngày 25/4/2023, bạn của Tuyên là chị H có nhờ T chở H về nhà ở tỉnh Nghệ An thì T đồng ý. Ch biết T chở bạn vào tỉnh Nghệ An thì xin đi cùng và rủ anh Lê Văn Th đi cùng thì anh Th đồng ý. T lái xe ô tô biển số 36A-601.41 chở

Ch, H và anh Th đi vào Nghệ An. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, các đối tượng dừng ăn cơm tại thị xã Ngh, tỉnh Thanh Hóa. Tại đây, Ch nói với T “tối đi xuống đường kiếm tý luôn” (ý là Ch rủ T đi trộm cắp tài sản) thì T đồng ý. Sau khi chờ H về, khoảng 23 giờ cùng ngày, Tuyên lái xe chở Ch và Th quay đi về tỉnh Thanh Hóa. Trên đường về, Ch ngồi ở ghế sau bên phụ bảo với T “Đi nhìn thấy chỗ nào tối, thì chậm lại để quan sát” (lúc này T và Ch cùng với nhau quan sát nhà dân xem có sơ hở gì không để nhằm mục đích trộm cắp tài sản), còn anh Th nằm ngủ trên xe ghế sau nên không biết. T có rẽ vào các ngõ nhỏ theo lời Ch, dừng xe để Ch xuống 01 đến 02 chỗ đi trộm tài sản nhưng không lấy được gì.

Đến khoảng 03 giờ sáng ngày 26/4/2023, khi đi trên đường Quốc lộ 1A đoạn đi qua thị xã H, Ch quan sát phát hiện 01 ngôi nhà 02 tầng của chị Hồ Thị H thuê ở tại khối Tân Thành, pH Quỳnh Thiện, thị xã H, tỉnh Nghệ An có cửa tầng 2 mở nên Ch nói với T “dừng xe lại để vào nhà này kiếm ít tiền tiêu”. Ch xuống xe tiến đến ngôi nhà 02 tầng trên, còn T ở trong xe đợi Ch. Ch leo lên tầng 2 và đột nhập vào bên trong ngôi nhà, đi cầu thang xuống tầng 1 thì phát hiện 02 cái áo vắt ở cầu thang nên Ch lục kiểm tra nhưng không thấy tài sản gì. Sau đó, Ch tiếp tục đi vào phòng ngủ tầng 1 thì thấy chị H đang nằm ngủ trên giường, có 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu VIVO Funtouch OS màu xanh đang sạc cạnh cửa ra vào, 01 chiếc điện thoại Iphone 11 Pro Max màu xanh, 01 chiếc điện thoại Iphone 12 Pro Max màu xanh và 01 túi xách để trên bàn cạnh đầu giường ngủ. Ch mở túi xách thấy bên trong có 01 chiếc ví, mở ví ra thấy bên trong có một số tiền mặt. Ch lấy tiền và 03 chiếc điện thoại này bỏ vào túi quần sau đó trèo ra bên ngoài theo lối cũ. Sau khi ra bên ngoài, Ch đi lên xe ô tô Tuyên đang đợi, rồi lấy từ trong túi quần ra 03 chiếc điện thoại di động gồm 01 Iphone 11 pro max, một Iphone 12 pro max, 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO đều màu xanh bỏ ở ghế lái phụ. Ch bảo với T mới lấy được, T hỏi có lấy được tiền không thì Ch nói lấy được mấy trăm, sau đó kiểm tra thì số tiền lấy trộm được là 800.000 đồng. Ch kiểm tra điện thoại lấy trộm được thấy chiếc điện thoại VIVO cũ nên định vứt đi thì T nói để lại cho T sử dụng nên Ch điện thoại Vivo cho T. Ch bảo T máy Iphone có định vị, tắt nguồn và mang ra huyện H, tỉnh Thanh Hóa bán luôn. Chung tháo 02 sim trong 02 chiếc điện thoại Iphone vứt ra ngoài đường. T lấy điện thoại Ch gọi điện cho Trương Ngọc T nhờ T bán điện thoại nhưng T không nghe máy. Đến khoảng 5 giờ ngày 26/4/2023, khi đến huyện H, tỉnh Thanh Hóa thì Th xuống xe. Khoảng 30 phút sau, Trương Ngọc T thấy cuộc gọi nhớ nên gọi lại thì Ch nghe máy, Ch rủ T đi ăn sáng. Sau đó, T chở Ch đi đến nhà T đón T. Khi T lên xe, Ch nhờ T bán 02 điện thoại trộm cắp trên thì T đồng ý. Khi đến khu vực ở thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, T nói đi chậm lại và nói T, Ch lát vào quán ăn sáng Nga Ngải thuộc thị trấn H, huyện H để ăn sáng còn T đi bán điện thoại. Trương Ngọc T vào quán điện thoại “Ngọc B” thì gặp Trần Văn B. T đưa điện thoại cho B nói

“có 02 điện thoại thằng em muốn bán”. B kiểm tra máy thấy máy tắt nguồn, B mở nguồn lên thì có mật khẩu nên hỏi “Máy này ở đâu anh”, T nói “Máy này bọn nó mới nháy được” (Ý là mới trộm cắp được). B biết 02 chiếc điện thoại là tài sản trộm cắp được mà có tuy nhiên B vẫn đồng ý mua. B nói máy này có mật khẩu và Icloud không mở khóa được, chỉ tháo bán được linh kiện nên mua với số tiền là 7.000.000 đồng. B không đủ tiền mặt nên đưa cho T số tiền 4.000.000 đồng, còn 3.000.000 đồng B sẽ trả sau thì T đồng ý bán và lấy số tiền 4.000.000 đồng. Sau đó, T đi về quán ăn sáng Nga Ngãi nói với Tuyên và Chung bán 02 chiếc điện thoại Iphone trộm cắp trên được 7.000.000 đồng. Do Chung còn nợ T số tiền 4.000.000 đồng và Tuyên nợ T một số tiền nên Tuyên và Chung nói trừ nợ cho T luôn.

Ngày 29/4/2023, Cơ quan CSĐT Công an thị xã H đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Mai Văn Ch, Mai Văn T và Trương Ngọc T. Cùng ngày, Trần Văn B đã đến Cơ quan CSĐT Công an thị xã H đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Ngày 30/4/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã yêu cầu định giá tài sản đối với những tài sản nói trên. Tại Kết luận định giá số 07 ngày 04/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản UBND thị xã H kết luận:

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 promax màu xanh, bản 128GB, số IMEI 1: 359173734189121, IMEI 2: 359173733706123, mua năm 2022, đã qua sử dụng có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 14.000.000 đồng.

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 promax màu xanh, bản 64GB, số IMEI 1: 353891103215013, IMEI 2: 353891103288960, mua năm 2022, đã qua sử dụng có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 10.000.000 đồng.

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Funtouch OS V2027 màu xanh, bản 64GB, số IMEI 1: 862310051133874, IMEI 2: 862310051133866, mua năm 2022, đã qua sử dụng có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 1.000.000 đồng.

- 01 (Một) thẻ sim điện thoại: 0968.801.721, đã qua sử dụng có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 100.000 đồng.

- 01 (Một) thẻ sim điện thoại: 0971.248.575, đã qua sử dụng có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 100.000 đồng.

Tổng giá trị của các tài sản của chị Hồ Thị H tại thời điểm bị chiếm đoạt là 25.200.000 đồng.

Quá trình điều tra, truy tố, Trương Ngọc T thừa nhận biết 02 điện thoại Chung, Tuyên nhờ bán là điện thoại trộm cắp khi B kiểm tra phát hiện điện thoại có mật khẩu và Icloud, không thừa nhận việc Ch, T nói với T đó là tài sản trộm cắp ở trên xe ô tô; không thừa nhận nói với B biết 02 chiếc điện thoại đó là tài sản trộm cắp mà có.

Bản Cáo trạng số 38/CT-VKSHM ngày 07/7/2023 của Viện kiểm sát nhân

dân thị xã H đã truy tố Mai Văn Ch và Mai Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; truy tố Trương Ngọc T và Trần Văn B về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1, Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản cáo trạng, luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm h, khoản 1, Điều 52; Điều 58, Điều 30 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Mai Văn Ch mức án từ 20 tháng tù đến 26 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm h, khoản 1, Điều 52; khoản 5, điều 65; Điều 56; Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Mai Văn T mức án từ 15 tháng tù đến 20 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo tại Bản án số 20/2022/HSST ngày 29/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa; buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án.

- Căn cứ vào khoản 1, Điều 323; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Trương Ngọc T mức án từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Căn cứ vào khoản 1, Điều 323; điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Trần Văn B mức án từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo Mai Văn Ch, Mai Văn T và Trương Ngọc T.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Hồ Thị H đã nhận lại 03 chiếc điện thoại di động bị chiếm đoạt và đã được Mai Văn Ch bồi th thiệt hại số tiền 1.000.000 đồng (bao gồm 800.000 đồng số tiền bị chiếm đoạt và 200.000 đồng tiền mất 02 sim diêm thoại). Chị H không có yêu cầu bồi th trách nhiệm dân sự gì thêm. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước số tiền 4.000.000 đồng thu giữ của Trương Ngọc T.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo đồng ý với nội dung bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát; các bị cáo không có tranh luận gì.

Bị hại: Không có tranh luận gì.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội sửa sai.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về sự vắng mặt của bị hại: Xét thấy việc vắng mặt bị hại không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo đúng quy định.

[3]. Về tội danh và khung hình phạt:

Tại phiên tòa bị cáo Mai Văn Ch, Mai Văn T, Trương Ngọc T, Trần Văn B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét thấy lời khai nhận về hành vi của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 03 giờ ngày 26/4/2023, tại nhà chị Hồ Thị H thuộc khối Tân Thành, pH Quỳnh Thiện, thị xã H, tỉnh Nghệ An, Mai Văn Ch đã có hành vi lén lút đột nhập vào nhà chị H chiếm đoạt 03 điện thoại di động trị giá 25.200.000 đồng và số tiền 800.000 đồng tiền mặt. Mai Văn T điều khiển xe mô tô chở Chung đi trộm cắp tài sản nên giữ vai trò đồng phạm. Tổng trị giá tài sản Chung và Tuyên chiếm đoạt của chị H là 26.000.000 đồng.

Sau khi chiếm đoạt được tài sản, Mai Văn Ch và Mai Văn T nhờ Trương Ngọc T bán hộ 02 điện thoại trộm cắp (01 điện thoại Iphone 12 promax màu xanh, 01 điện thoại Iphone 11 promax màu xanh), T đã bán 02 điện thoại trên cho Trần Văn B. Trương Ngọc T, Trần Văn B biết rõ 02 điện thoại trên do trộm cắp mà có nhưng T vẫn đồng ý bán hộ cho Chung và Tuyên; Trần Văn B vẫn đồng ý mua với giá 7.000.000 đồng.

Hành vi của Mai Văn Ch và Mai Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Hành vi của Trương Ngọc T và Trần Văn B đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” được quy định khoản 1, Điều 323 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cáo trạng đã truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về hình phạt chính: Xét tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo Mai Văn Ch, Mai Văn T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của

người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an trên địa bàn, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của Trương Ngọc T, Trần Văn B là nguy hiểm cho xã hội, là một trong những nguyên nhân, điều kiện để các đối tượng phạm tội chiếm đoạt tài sản thêm quyết tâm, ý chí để phạm tội. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực để nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn có tiền để tiêu xài cá nhân và mục đích lợi nhuận nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Vụ án có tính chất đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, do đó khi quyết định hình phạt, cần phải xem xét đến tính chất của đồng phạm, tính chất tham gia và mức độ tham gia của từng người đồng phạm; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng người đồng phạm.

Bị cáo Mai Văn Ch là người khởi xướng, đồng thời là người trực tiếp thực hiện hành vi lấy trộm 03 chiếc điện thoại di động; tích cực thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo đã được giáo dục, cải tạo nhiều lần về hành vi “Trộm cắp tài sản” nhưng bị cáo không chịu tu dưỡng bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo lần này thuộc trường hợp tái phạm, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo dục và răn đe bị cáo. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; ngoài ra bị cáo có bố là Thương binh 3/4, là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huy Chương kháng chiến hạng nhì và Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có căn cứ.

Bị cáo Mai Văn T tuy không phải là người trực tiếp thực hiện hành vi lấy tài sản nhưng là người đứng canh gác, giúp sức tích cực. Bị cáo là người có nhân thân xấu. Hành vi phạm tội của bị cáo lần này thuộc trường hợp tái phạm, đang trong thời gian thử thách của án treo, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần áp dụng khoản 5 Điều 65, Điều 56 của Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án số 20/2022/HSST ngày 29/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa và bản án mới. Tuy nhiên, xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; ngoài ra bị cáo có ông nội là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng

thường Huân chương kháng chiến và hiện đang thời cúng ông Mai Trung Suu là Liệt sỹ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà bị cáo được hưởng để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đối với Trương Ngọc T biết rõ 02 chiếc điện thoại là tài sản mà Mai Văn Ch và Mai Văn T trộm cắp mà có nhưng vẫn đưa đi bán cho Trần Văn B để lấy tiền tiêu xài. Hành vi của Trần Văn B biết rõ tài sản do Trương Ngọc T đưa đến bán cho mình là tài sản do vi phạm pháp luật mà có nhưng vẫn thu mua để bán lại kiếm lời. Vì vậy, các bị cáo Trương Ngọc T, Trần Văn B phải chịu trách nhiệm hình sự với hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Bị cáo Trương Ngọc T là người có nhận thân xấu, đã được giáo dục cải tạo về hành vi “Trộm cắp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nhưng bị cáo vẫn tiếp tục có hành vi vi phạm. Vì vậy, cần phải tiếp tục cách ly bị cáo một thời gian để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính; ngoài ra bị cáo có bố là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huy chương chiến sỹ giải phóng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo Mai Văn Ch và Trương Ngọc T là cao; vì vậy cần xem xét giảm nhẹ xử phạt các bị cáo dưới mức đề nghị cho phù hợp với tính chất hành vi và mức độ tham gia của các bị cáo; thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo Trần Văn B phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, mà bị cáo được hưởng để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Xét bị cáo Trần Văn B không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định. Vì vậy, không nhất thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo được hưởng hình phạt tiền như đề nghị của Viện kiểm sát cũng đủ nghiêm, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo lao động tự do, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Vì vậy, miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu về bồi tH dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về vật chứng: Quá trình điều tra, các vật chứng đã xử lý vật chứng theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 4.000.000 đồng thu giữ của Trương Ngọc T. Xét đây là số tiền thu lợi bất chính, vì vậy cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

[7]. Về án phí: Các Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8]. Xét các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật; phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. - Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm h, khoản 1, Điều 52; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Mai Văn Ch 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 29 tháng 4 năm 2023.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm h, khoản 1, Điều 52; khoản 5, điều 65; Điều 56; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Mai Văn T 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo tại Bản án số 20/2022/HSST ngày 29/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa; buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 24 tháng thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 29 tháng 4 năm 2023; nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam của Bản án số 20/2022/HSST ngày 29/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa từ ngày 16 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 01 năm 2022.

- Căn cứ vào khoản 1, Điều 323; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Trương Ngọc T 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 12 tháng 5 năm 2023.

- Căn cứ vào khoản 1, Điều 323; điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Trần Văn B 20.000.000 đồng về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 4.000.000 đồng thu giữ của Trương Ngọc T. (Số tiền trên hiện đã gửi vào tài khoản tạm giữ của Công an thị xã H tại Kho bạc Nhà nước thị xã H, tỉnh Nghệ An).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Mai Văn Ch, Mai Văn T, Trương

Ngọc T và Trần Văn B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- VKSND thị xã H;
- Bị cáo; bị hại;
- Chi cục THADS thị xã H;
- CQCSĐT, CQ THAHS Công an thị xã H;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Huy Mạnh**